TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện Kim Sơn - Tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2018/HSST
Ngày: 02/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM SƠN - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*** : Ông Nguyễn Hữu Mạnh.
- ***Các Hội thẩm nhân dân*** :

1. Ông Vũ Kim Mỹ;
2. Ông Vũ Xuân Dự.

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, cán bộ Toà án nhân dân huyện Kim Sơn - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Kim Sơn -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:*** Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/QĐXXST-HS ngày 19/01/2018 đối với các bị cáo :

1. Họ và tên **Trần Quang H**, sinh năm 1997.

Nơi ĐKHKTT : xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc H và bà Phạm Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự : không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/11/2017, chuyển tạm giam ngày 19/11/2017, đến ngày 28/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh (có mặt).

2. Họ và tên **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1986.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở : xóm 7C, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Lưu Thị V; có vợ: Nguyễn Thị L và 02 con; tiền án: không ; Tiền sự: ngày 09/11/2017 bị Công an huyện Kim Sơn xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.000.000đ về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/11/2017, chuyển tạm giam ngày 19/11/2017, đến ngày 26/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh (có mặt).

3. Họ và tên **Phạm Đắc Đ**, sinh năm 1991.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở : xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Phan Thị H; có vợ: Trần Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự : không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/11/2017 đến ngày 19/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Họ và tên **Phạm Trung K**, sinh năm 1989.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở: xóm 7C, xã Cồn T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q và bà Vũ Thị N; có vợ: Nguyễn Thị T, ch- a có con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/11/2017 đến ngày 19/11/2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Họ và tên **Đinh Văn T**, sinh năm 1988.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở: xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn H và bà Phạm Thị H; có vợ: Nguyễn Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/11/2017 đến ngày 19/11/2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Họ và tên **Lại Thế D**, sinh năm 1991.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở: xóm 7A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Chí T và bà Bùi Thị Y; chưa có vợ: tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/11/2017đến ngày 19/11/2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

7. Họ và tên **Phạm Văn D1 ;**, sinh năm 1978.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở : xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc C và bà Nguyễn Thị P; có vợ: Phạm Thị D và 03 con; tiền án, tiền sự : không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/11/2017 đến ngày 19/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

+ Người làm chứng: Ông Bùi Quang B, ông Đinh Xuân H, Anh Mai Văn C và chị Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Chiều ngày 16/11/2017, Lại Thế D và Phạm Đắc Đ ăn cơm, uống rượu tại nhà Trần Quang H ở xóm 7B, xã C, sau đó sang nhà Đ ở gần đó ngồi uống nước, quá trình uống nước, Đ rủ cả bọn quay về nhà H để chơi bài thì H và D đồng ý. D đi mua một bộ tú lơ khơ mang về nhà H. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày Phạm Trung K đến nhà H chơi, thấy D đang cầm bộ bài nên rủ đánh bạc ăn tiền thì H và D đồng ý. Lúc này Đ có bạn rủ đi uống nước nên Đ điện cho Đinh Văn T đến nhà H chơi bài rồi Đ đi uống nước với bạn, T gọi điện cho Nguyễn Văn N và Phạm Văn D1 đến nhà H cùng chơi bài. Khoảng 15 phút sau T đi xe mô tô đến nhà H rồi K, D, H, T ngồi đánh bạc ở gian phòng khách nhà H bằng hình thức đánh liêng với mức đặt cược mỗi ván từ 10.000đ đến 100.000đ. Khoảng 5 phút sau N và D1 cũng đến tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T gọi điện cho Đ quay lại nhà H đánh bạc cùng. H, K, D, T, N, D1, Đ ngồi đánh bạc tại gian phòng khách đến khoảng 21 giờ 30 phút thì chuyển xuống gian

bếp tiếp tục đánh bạc đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Kim Sơn phát hiện bắt quả tang. Khi bị phát hiện và bắt giữ, các đối tượng T, H, N đã ném tiền vào vị trí bếp củi, trong thùng bìa cát tông, dưới gầm tủ kính nhôm. Cơ quan điều tra thu giữ trực tiếp trên chiếu bạc số tiền 3.640.000đ, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân; thu giữ tại vị trí bếp củi 4.000.000đ, trong thùng bìa cát tông 520.000đ và dưới gầm tủ kính nhôm 600.000đ. Ngoài ra thu trên người các đối tượng 17.500.000đ, 09 điện thoại di động các loại và 02 xe mô tô.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 05/01/2018 VKSND huyện Kim Sơn đã truy tố các bị cáo Trần Quang H, Nguyễn Văn N, Phạm Đắc Đ, Phạm Trung K, Đinh Văn T, Lại Thế D và Phạm Văn D1 về tội " Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên toà đại diện VKSND huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố các bị cáo Trần Quang H, Nguyễn Văn N, Phạm Đắc Đ, Phạm Trung K, Đinh Văn T, Lại Thế D và Phạm Văn D1 phạm tội " Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1,3 Điều 248; điểm h,p khoản 1 Điều 46 và Điều 31 BLHS năm 1999: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 06 – 09 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 3 – 5 triệu đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Trần Quang H từ 10 – 12 triệu đồng ;
- Xử phạt bị cáo Phạm Đắc Đ từ 10 – 12 triệu đồng;
- Xử phạt bị cáo Phạm Trung K từ 10 – 12 triệu đồng ;
- Xử phạt bị cáo Đinh Văn T từ 10 – 12 triệu đồng;
- Xử phạt bị cáo Lại Thế D từ 10 – 12 triệu đồng ;
- Xử phạt bị cáo Phạm Văn D1 từ 8 – 10 triệu đồng;

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Quang H, Nguyễn Văn N, Phạm Đắc Đ, Phạm Trung K, Đinh Văn T, Lại Thế D và Phạm Văn D1 đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đồng bọn như nội dung cáo trạng đã nêu. Các bị cáo khai, chiều tối ngày 16/11/2017 các bị cáo Đ, H và D ngồi uống nước tại nhà Đ, quá trình uống nước Đ đã chủ động rủ H và D về nhà H chơi bạc ăn tiền và H, D cũng đồng ý, sau đó D chủ động đi mua bộ tú lơ khơ đem về nhà H, cũng lúc đó bị cáo K đến, thấy D đang cầm bộ bài nên cũng rủ các bị cáo chơi bạc. Do lúc này bị cáo Đ có bạn rủ đi uống nước nên Đ đã điện cho bị cáo T đến chơi, tiếp đó T lại điện cho N và D1, còn bị cáo Đ sau khi đi uống nước với bạn xong, được T điện thì Đ lại quay về nhà H cùng các bị cáo đánh bạc; Các bị cáo đã cùng thống nhất chơi bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Lúc đầu chơi ở gian phòng khách nhà H từ khoảng 20 giờ 45 phút đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì chuyển xuống chơi tại gian bếp nhà H để tránh bị phát hiện. Các bị cáo chơi đến 22 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Kim Sơn phát hiện bắt quả tang 7 bị cáo đang đánh bạc, thu trên chiếu bạc số tiền 3.640.000đ và 5.120.000đ các bị cáo vứt vào khu bếp củi, thùng cát tông và gầm tủ kính nhôm là tiền các bị cáo đang dùng

đánh bạc; Thu trên người bị cáo Đ 2.500.000đ , bị cáo D 500.000đ và bị cáo N 500.000đ, là tiền các bị cáo sẽ dùng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo đã và sẽ dùng vào việc đánh bạc là 12.260.000đ. Ngoài ra còn thu giữ trên người bị cáo D1 12.000.000đ, bị cáo N 2.000.000đ, nhưng số tiền trên các bị cáo không dùng đánh bạc; thu giữ của các bị cáo 09 điện thoại các loại và 02 xe mô tô.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản phạm tội quả tang, thống kê vật chứng thu giữ...

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận với hành vi đánh bạc được thua bằng tiền có giá trị 12.260.000đ, các bị cáo Trần Quang H, Nguyễn Văn N, Phạm Đắc Đ, Phạm Trung K, Đinh Văn T, Lại Thế D và Phạm Văn D1 đã phạm tội " Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, là tệ nạn xã hội cần phải loại trừ, vì vậy cần phải xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần giữ vững ổn định trật tự xã hội trên địa bàn.

[2] Trong vụ án này, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, tuy là đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân tích vị trí, vai trò mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt phù hợp với từng bị cáo. Bị cáo Đ là người khởi xướng đầu tiên và sau đó điện thoại rủ bị cáo T đến tham gia đánh bạc; bị cáo H là người đã đồng ý dùng nhà mình cho các bị cáo làm nơi đánh bạc và cùng tham gia đánh bạc; bị cáo K tình cờ đến chơi nhưng khi thấy bị cáo D cầm bộ bài đã chủ động rủ các bị cáo đánh bạc; bị cáo T sau khi được Đ điện rủ đánh bạc cũng đã chủ động điện rủ bị cáo N và D1 cùng tham gia; bị cáo N là người mới bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân mà khi được T điện rủ đánh bạc đã tích cực tham gia. Các bị cáo trên đều có vai trò vị trí tích cực trong vụ án, do đó phải chịu trách nhiệm tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của mình; Riêng bị cáo D1 tuy vai trò thấp hơn nhưng cũng phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện.

[3] Khi lượng hình cũng cần xem xét, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Quá trình giải quyết vụ án tất cả các bị cáo đều khai báo thành khẩn và tỏ thái độ ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

[4] Xét nhân thân, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo như đã phân tích ở trên, HĐXX xét thấy: mặc dù các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo N là người có tiền sự về hành vi đánh bạc, nay lại tiếp tục phạm tội, tuy chưa đến mức phải cách ly xã hội nhưng cũng cần buộc bị cáo phải chịu hình phạt cải tạo không giam giữ, đồng thời phạt tiền bổ sung mới đủ điều kiện để cải tạo; Đối với các bị cáo còn lại đều không có tiền án tiền sự, mới phạm tội lần đầu, số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn, vì vậy chỉ cần xử phạt các bị cáo bằng hình thức phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục và vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung về phạt tiền mà nên thu hút vào hình phạt chính.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ 02 xe mô tô gồm xe mô tô BKS 35B1-678.32 của Đinh Văn T và xe mô tô BKS 35F2-0404 của Nguyễn Văn N nhưng hai xe mô tô trên các bị cáo không dùng vào việc

đánh bạc vì vậy cơ quan điều tra công an huyện Kim Sơn đã trả lại cho bị cáo T và bị cáo N.

Vật chứng còn lại gồm số tiền 26.260.000đ đã thu giữ, trong đó có 12.260.000đ là tiền các bị cáo đã và sẽ dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước; Đối với chiếc điện thoại di động Nokia 1202 màu đen đã thu giữ của bị cáo Đ, chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen thu giữ của bị cáo T và chiếc điện thoại Oppo A33W Leo7 màu trắng thu giữ của bị cáo N, đây là điện thoại các bị cáo liên lạc với nhau khi rủ nhau đánh bạc, là công cụ dùng vào việc phạm tội vì vậy cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước; Đối với các điện thoại còn lại đã thu giữ của các bị cáo và số tiền 14.000.000đ (trong đó của bị cáo D1 12.000.000đ và của bị cáo N 2.000.000đ), nhưng các điện thoại và số tiền trên các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội vì vậy cần trả lại cho các bị cáo nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; Đối với 52 quân bài tú lơ khơ các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội và là vật không còn giá trị sử dụng vì vậy cần tịch thu cho tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Trần Quang H, Nguyễn Văn N, Phạm Đắc Đ, Phạm Trung K, Đinh Văn T, Lại Thế D và Phạm Văn D1 phạm tội " Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1,3 Điều 248 BLHS năm 1999; điểm h,p khoản 1 Điều 46 và Điều 31 BLHS năm 1999: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2017 đến ngày 26/12/2017 bằng 41 ngày, tương đương với 04 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 4 tháng 27 ngày; phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 5 triệu đồng. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo N tính từ ngày UBND xã C nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999; điểm h,p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Trần Quang H 11 triệu đồng;
- Xử phạt bị cáo Phạm Đắc Đ 11 triệu đồng;
- Xử phạt bị cáo Phạm Trung K 10 triệu đồng;
- Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 10 triệu đồng;
- Xử phạt bị cáo Lại Thế D 10 triệu đồng;
- Xử phạt bị cáo Phạm Văn D1 09 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999; Căn cứ điểm a,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu số tiền 12.260.000đ là tiền các bị cáo đã và sẽ dùng vào việc phạm tội để sung quỹ nhà nước;

Tịch thu chiếc điện thoại di động Nokia 1202 màu đen đã thu giữ của bị cáo Đ, chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen thu giữ của bị cáo T và chiếc điện thoại Oppo A33W Leo7 màu trắng thu giữ của bị cáo N do các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội để hóa giá sung quỹ nhà nước;

Tịch thu bộ tú lơ khơ 52 quân là vật không có giá trị sử dụng cho tiêu hủy.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn D1 số tiền 12.000.000đ và 02 điện thoại di động gồm 01 điện thoại Nokia 106 màu đen và 01 điện thoại Nokia lumia 525 màu vàng; bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 2.000.000đ và 01 điện thoại di động Masstel màu cam; bị cáo Trần Quang H 01 điện thoại di động Oppo A377 màu đồng; bị cáo Lại Thế D 01 điện thoại di động LG G3 màu đồng; bị cáo Phạm Trung K 01điện thoại di động Sam sung J3 màu vàng đồng, nhưng cần tiếp tục quản lý số tiền và các điện thoại nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc các bị cáo Trần Quang H, Nguyễn Văn N, Phạm Đắc Đ, Phạm Trung K, Đinh Văn T, Lại Thế D và Phạm Văn D1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các bị cáo không nộp số tiền phạt nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo là người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã C, K;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh